

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÙ GIA MẬP  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST

Ngày 26/6/2020

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Công

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lê Văn Hào

Bà Nguyễn Thị Mùa

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đỗ Hoàng Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 218/2019/TLST - HNGĐ ngày 13/11/2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXX-ST ngày 21/5/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1992 “có mặt”;

- Bị đơn: Anh Dương Thanh V, sinh năm 1991 “vắng mặt”

Cùng địa chỉ: thôn 1, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Lời trình bày của chị Nguyễn Thị Kim N tại đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa như sau:*

*Về hôn nhân:* chị Nguyễn Thị Kim N và anh Dương Thanh V tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009 và có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Hạnh, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước vào năm 2014. Trong thời gian chung sống chị N và anh V không có hạnh phúc thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh V không chăm lo cho cuộc sống gia đình nên chị N và anh V đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay, chị N xác định cuộc sống hôn nhân giữa chị N và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu

Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh V.

*Về con chung:* Trong thời gian chung sống chị N và anh V có 02 người con chung tên là Dương Quỳnh Nh, sinh ngày 22/7/2010 và Dương Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 26/9/2013. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc các con chung đến khi trưởng thành.

*Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Chị N trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn là anh Dương Thanh V:* Vắng mặt và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

\* Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Về các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị N được ly hôn anh V. Giao các con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con chung do nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Dương Thanh V theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Bị đơn anh V cư trú tại xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đối với bị đơn anh Dương Thanh V đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 nhưng anh V vẫn vắng mặt lần hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Dương Thanh V tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009 và có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Hạnh, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước vào năm 2014. Xét đây là hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Trong thời gian chung sống chị N và anh V không có hạnh phúc mà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh V không chăm lo cho cuộc sống gia đình nên chị N và anh V đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Tại phiên tòa, chị N xác định cuộc sống hôn nhân giữa chị N và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu ly hôn với anh V. Đối với bị đơn anh V, khi được Tòa án triệu tập nhiều lần để làm việc và hòa giải nhưng anh V không đến tham gia, thể hiện sự bỏ mặc không có sự tôn trọng hạnh phúc gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N.

[4] Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống chị N và anh V có 02 người con chung tên là Dương Quỳnh Nh, sinh ngày 22/7/2010 và Dương Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 26/9/2013. Tại phiên tòa chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Xét thấy, yêu cầu được nuôi con là quyền, nghĩa vụ của chị N và anh V đã được quy định tại điều 58 Luật hôn nhân và gia đình. Hiện nay, các cháu đang sống cùng với chị N và trong quá trình giải quyết vụ án các con chung có nguyện vọng được sống chung cùng với chị N. Do vậy để đảm bảo sự phát triển bình thường, ổn định về thể chất cũng như tinh thần của con chung nên cần tiếp tục giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên đủ 18 tuổi là phù hợp với nguyện vọng của các con chung cũng như quy định của pháp luật, thời hạn giao con chung cho chị N nuôi dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Tại phiên tòa, chị N xác định trong thời gian sống chung với anh V không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Nguyễn Thị Kim N phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn

nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim N và anh Dương Thanh V.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Dương Quỳnh Nh, sinh ngày 22/7/2010 và Dương Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 26/9/2013 cho chị Nguyễn Thị Kim N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Thời hạn giao con chung cho chị N kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chia tài sản chung và nợ chung: không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị N phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp theo biên lai thu số 0019062 ngày 13/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- VKSND H. Bù Gia Mập;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS H. Bù Gia Mập;
- UBND xã Đức Hạnh;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Công**